

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671007 - Quy hoạch tuyển tính
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	6,00	1,00	2,50	
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	5,00	1,00	2,20	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	6,00	,00	1,80	
4	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	6,00	,00	1,80	
5	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	6,00	3,50	4,30	
6	Lương Đình	Huy	3671040027	13/07/1994	6,00	2,50	3,60	
7	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	6,00	4,50	5,00	
8	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	6,00	2,00	3,20	
9	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	3,50	1,00	1,80	
10	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,00	,00	1,80	
11	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	5,00	,00	1,50	
12	Nguyễn Quang	Đức	3671040055	03/12/1994	3,50	5,00	4,60	
13	Phạm Nhật	Trường	3671040060	26/12/1994	6,00	,00	1,80	
14	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994	3,50	,50	1,40	
15	Phạm Trung	Hà	3671040080	04/09/1994	6,00	6,00	6,00	
16	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	6,00	1,00	2,50	
17	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	6,00	1,00	2,50	
18	Phạm Văn	Thông	3671040090	05/11/1994	3,00	3,50	3,40	
19	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	,00	,00	,00	CT
20	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	5,00	,00	1,50	
21	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	5,00	5,00	5,00	
22	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	6,00	3,50	4,30	
23	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	3,50	,00	1,10	
24	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	6,00	1,00	2,50	
25	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	3,50	1,50	2,10	
26	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992	6,00	3,50	4,30	
27	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	,00	,00	,00	CT
28	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	6,00	,00	1,80	
29	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	6,00	1,50	2,90	
30	Thi Văn	Thiện	3671040196	20/02/1994	6,00	5,00	5,30	
31	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	,00	,00	,00	CT
32	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	6,00	2,00	3,20	
33	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	6,00	,00	1,80	
34	Hoàng Xuân	Nam	3671040213	28/10/1994	6,00	4,50	5,00	
35	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	3,50	,00	1,10	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn Đệ	3671040218	06/11/1994	3,50	,00	1,10	
37	Trần Bùi Trung	3671040221	25/04/1992	1,00	,00	,30	Nợ HP
38	Nguyễn Hữu Hiền	3671040230	01/06/1994	3,50	,00	1,10	
39	Bùi Ngọc Hải	3671040235	27/10/1994	6,00	6,50	6,40	
40	Lê Duy Khang	3671040262	11/01/1994	5,00	2,00	2,90	
41	Vũ Ngọc Đức	3671040274	04/03/1993	3,50	,00	1,10	
42	Bùi Văn Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
43	Nguyễn Quang Trại	3671040280	10/06/1994	6,00	6,00	6,00	
44	Nguyễn Phạm Mít Shi Bit	3671040282	10/08/1994	5,00	2,00	2,90	
45	Trần Ngô Quốc Khanh	3671040285	31/10/1994	3,00	2,50	2,70	
46	Biện Hữu Kha	3671040320	20/05/1994	6,00	5,50	5,70	
47	Trần Tiến	3671040329	23/04/1994	6,00	3,50	4,30	
48	Phạm Công Hưng	3671040332	16/10/1993	10,00	3,00	5,10	
49	Phạm Phương Cương	3671040336	19/10/1994	6,00	2,00	3,20	
50	Đồng Quang Ly	3671040344	28/10/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
51	Huỳnh Ngọc Tân	3671040354	26/04/1994	6,00	4,50	5,00	
52	Nguyễn Phát Tài	3671040366	04/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
53	Vũ Minh Hùng	3671040371	18/03/1994	6,00	1,50	2,90	
54	Lê Quang Đông	3671040388	02/01/1994	3,50	4,50	4,20	
55	Phạm Quốc Đạt	3671040419	27/05/1994	8,00	7,00	7,30	
56	Võ Minh Cương	3671040422	08/07/1994	5,00	,00	1,50	
57	Nguyễn Văn Điền	3671040428	25/03/1993	6,00	7,00	6,70	
58	Nguyễn Đức Trọng	3671040434	07/04/1994	6,00	7,00	6,70	
59	Võ Minh Hiệp	3671040436	28/09/1994	1,00	,00	,30	
60	Nguyễn Văn Khánh	3671040442	21/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
61	Nguyễn Văn Dĩnh	3671040445	16/07/1992	6,00	1,50	2,90	
62	Nguyễn Việt An	3671040452	30/05/1993	4,00	5,50	5,10	
63	Hoàng Văn Trinh	3671040455	22/02/1993	6,00	1,00	2,50	
64	Nguyễn Đức Mạnh	3671040465	15/04/1992	3,50	,00	1,10	
65	Nguyễn Tấn Đạt	3671040471	03/08/1993	,00	,00	,00	CT
66	Lê Minh Mẫn	3671040482	16/10/1994	6,00	3,50	4,30	
67	Trần Đức Nhật	3671040495	25/10/1994	6,00	3,00	3,90	
68	Lương Hoàng Phước Trăn	3671040499	19/01/1993	6,00	,00	1,80	
69	Trần Đình Hiếu	3671040501	15/07/1994	6,00	3,00	3,90	
70	Huỳnh Tấn Phát	3671040505	04/09/1994	6,00	5,50	5,70	
71	Phan Tuấn Anh	3671040509	19/11/1994	,00	,00	,00	CT
72	Vũ Hải Đăng	3671040512	19/08/1994	6,00	5,00	5,30	
73	Trần Kim Hồ	3671040522	20/11/1993	6,00	1,00	2,50	
74	Nguyễn Quốc Cường	3671040526	12/05/1994	6,00	3,50	4,30	
75	Nguyễn Hữu Tùng	3671040528	10/12/1993	6,00	,00	1,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	6,00	1,50	2,90	
77	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994	6,00	3,50	4,30	
78	Trần Tuấn	Anh	3671040545	06/11/1994	5,50	7,00	6,60	
79	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	4,00	3,50	3,70	
80	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	1,00	,00	,30	
81	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994	6,00	5,00	5,30	
82	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993	6,00	4,00	4,60	
83	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	6,00	,00	1,80	
84	Nguyễn	An	3671040575	24/06/1993	,00	,00	,00	CT
85	Trần Hữu	Vinh	3671040577	16/01/1994	10,00	9,50	9,70	
86	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993	3,50	,00	1,10	
87	Nguyễn Công	Lương	3671040594	02/01/1994	6,00	4,50	5,00	
88	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994	6,00	2,50	3,60	Nợ HP
89	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	6,00	1,50	2,90	
90	Biên Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	8,50	,00	2,60	
91	Bùi Ngọc	Hiếu	3671040633	28/11/1994	10,00	4,50	6,20	
92	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	3,50	2,00	2,50	
93	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	6,00	3,50	4,30	
94	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
95	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	3,50	2,50	2,80	
96	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	4,00	,00	1,20	
97	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	3,00	2,50	2,70	
98	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993	6,00	5,50	5,70	
99	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	5,00	3,50	4,00	
100	Nguyễn Vương	Triều	3671041965	20/09/1994	,00	,00	,00	
101	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	6,00	3,50	4,30	
102	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
103	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	6,00	1,50	2,90	
104	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994	3,50	2,50	2,80	
105	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	5,00	,00	1,50	
106	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	,00	,00	,00	Nợ HP
107	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
108	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
109	Nguyễn Hồng	Son	3671042032	16/10/1992	6,00	,00	1,80	
110	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994	6,00	3,50	4,30	
111	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	,00	,00	,00	CT

Học phần : 0671007 - Quy hoạch tuyến tính
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)